

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 59/2022/HS-ST
Ngày 25-10-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24/8/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số nhà 215, tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Đoàn Thị N, sinh năm 1950 và chưa xác định được cha đẻ; có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2022; có mặt.

- Bị hại: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971; đã chết ngày 23/4/2022

- Đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn V2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Đức C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố Q3, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 23/4/2022, Nguyễn Văn Đ (Có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô 16 chỗ ngồi BKS 15 F - 000.25 từ Q, H, Đ đi trên đường 403 đến thôn Q, xã Đ, huyện K để đón khách theo hợp đồng. Khi đi đến gần ngã tư giao nhau giữa các đường trục thôn khu vực V, Đ, Đ không quan sát biển báo hiệu giao thông đường bộ, không giảm tốc độ, chỉ bấm còi xe báo hiệu. Khi xe ô tô đi vào ngã tư, Đ quan sát thấy phía bên phải từ thôn V2 đi thôn V1 theo chiều đi của xe ô tô có 01 xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 do bà Vũ Thị H điều khiển với tốc độ nhanh vào ngã tư. Đ đánh lái xe sang bên trái để tránh nhưng do khoảng cách gần nên xe mô tô do bà H điều khiển đã đâm vào sườn bên phải xe ô tô của Đ, xe mô tô bị đổ, bà H bị ngã xuống đường và được nhân dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện, sau đó đã tử vong. Đo nồng độ cồn của Đ là 0,000 miligam/1 lít khí thở.

Kết quả khám nghiệm tử thi và kết luận Giám định pháp y số 143/KL-KTHS (PY) ngày 27/5/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Bà Vũ Thị H vùng mắt trái bầm tím diện (10 x 9) cm; vỡ xương gò má trái; vùng giữa cằm có vết sưng nề diện rộng (10 x 6) cm; sâu sát xương sọ, rách da diện (2 x 1,5) cm; vai trái xây xước bầm tím kích thước (10 x 3) cm; vùng ngực phải, ngực trái có vết xây xước bầm tím da. Vùng thắt lưng hông bên trái có vết bầm tím da kích thước (9 x 8) cm; mu bàn tay trái, bàn tay phải đều có vết bầm tím xây xước trợt da. Nguyên nhân chết do sốc chấn thương sọ não; thương tích có đặc điểm hình thành do va đập mạnh với nền cứng gây lên; không tìm thấy cồn trong máu của nạn nhân.

Kết quả khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra tai nạn đã xác định: Vụ tai nạn giao thông xảy ra tại ngã tư nơi giao nhau giữa đường trục liên thôn khu vực thôn V2. Đường trục thôn hướng từ đường 403 đi thôn Q và hướng từ thôn V2 đi thôn V1. Lòng đường đều rộng 6 m được trải bê tông nhựa phẳng thẳng, lề đường mỗi bên rộng 1,5 m và đều lắp biển báo hiệu giao thông số W205 a “Đường giao nhau”; lòng đường không có vạch kẻ sơn phân chia thành 02 chiều đi riêng biệt. Tiếp giáp ngã tư theo hướng đường 403 đi thôn Q, xã Đ là nhà ở của gia đình anh Hoàng Văn T được xây gạch kiên cố, tường cao 3,8m, dài 15m. Chọn mép đường bên phải đường 403 đi thôn Q, xã Đ làm chuẩn, hiện trường để lại các dấu vết chính như sau:

Vết cày xước kích thước 1,3 x 0,03 m dạng đứt đoạn nằm tại khu vực ngã tư giao nhau đường trục xã Đ, hướng từ đường 403 đi thôn Q. Đầu vết xước cách mép đường 1,7 m, khoảng cách từ cuối vết cày xước đến mép đường là 1,55 m. Khoảng cách từ đầu vết cày xước đến mép đường bên phải đường hướng từ thôn V1 đi thôn V2 là 04 m. Khoảng cách từ cuối vết cày xước đến trục bánh trước xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 là 0,55 m.

Xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 bị đổ nằm nghiêng về bên trái tại mặt đường ngã tư nơi giao nhau, đầu xe quay hướng thôn V2, đuôi xe quay hướng thôn V1. Trục bánh trước cách mép đường 0,9 m; trục bánh sau đến mép đường là 02 m. Trục bánh trước cách biển báo hiệu giao thông số W.205 a đặt tại lề đường bên phải hướng từ thôn V2 đi thôn V1 là 44 m. Trục bánh trước xe mô tô đến trục bánh sau bên phải xe ô tô 15 F - 000.25 là 20,5m.

Xe ô tô 15 F - 000.25 trong trạng thái dừng đỗ trên mặt đường trục xã Đ hướng từ đường 403 đi thôn Q, đầu xe quay hướng thôn Q, đuôi xe quay hướng đường 403. Trục bánh trước bên phải xe ô tô đến mép đường là 2,8 m; trục bánh sau bên phải cách mép đường là 2,7 m.

Kết quả khám nghiệm xe ô tô 15 F - 000.25: Cánh cửa bên phải trước có dấu vết móp méo trong diện 20 x 23,5 cm, bề mặt có vết trượt mài bán dính tạp chất màu đen dạng cao su có hướng từ trên xuống, từ trước về sau; tâm vết cách mặt đất 45 cm. Liên kề vết này tại phần hợp sàn của xe phát hiện dấu vết bẹp lõm kim loại trong diện 29 x 3,5 cm, bề mặt ngoài tạo các vết mài mòn bong tróc sơn và bám dính tạp chất màu đen dạng cao su, hướng từ trước về sau, từ trên xuống dưới. Cách điểm cuối của vết này 21 cm có dấu vết bẹp rách kim loại, làm bong tróc sơn xe trong diện 31 x 28,5 cm, bề mặt một số điểm bám dính tạp chất màu xám đen dạng cao su. Phần ốp nhựa xi nhan sườn cánh cửa trước bên phải có dấu vết nứt vỡ trong diện 5,2 x 2,9 cm làm nhựa tại vị trí này bẹp lún vào trong. Phần cánh cửa phía sau có dấu vết bẹp lõm trong diện 13,5 x 60 cm trầy xước mất sơn có hướng từ trước về sau. Hộp sàn liên kề cánh cửa phía sau có dấu vết trượt mài kim loại bám dính tạp chất màu đen dạng cao su trong diện 18 x 3,5 cm có hướng từ trước về sau. Tại vị trí phần hông xe bên phải có dấu vết trượt mài bám dính tạp chất màu nâu xám diện 107 cm x 28 cm; tại phần Lazăng bánh xe bên phải phía sau có dấu vết mài mòn bám dính tạp chất màu đỏ dạng sơn trong diện 15 x 22 cm. Toàn bộ phần bánh xe phía sau bên phải của xe bám dính tạp chất màu nâu dạng cây cỏ.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô 16 P2 - 6288: Ốp nhựa đèn pha bị vỡ mất mảnh tại góc bên phải. Núm tay nắm bên phải của xe bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu. Phần mặt nạ xe phía trước có vết nứt vỡ nhựa kích thước 13 x 4,5 m; cánh yếm bên trái có vết nứt vỡ nhựa trong diện 9 x 6 cm tâm cách mặt đất 70 cm. Cánh yếm bên phải có vết nứt vỡ nhựa trong diện 15 x 9 cm tâm cách mặt đất 77 cm. Toàn bộ

phần chắn bùn phía trước bị cong vênh khỏi vị trí ban đầu có hướng từ phải sang trái. Trục xe bánh trước bị cong vênh biến dạng có hướng từ trái sang phải. Phần bản đế chân sau có dấu vết mài mòn kim loại trong diện 0,6 x 0,4 cm có hướng từ trước về sau.

Cơ quan điều tra yêu cầu giám định đối với dấu vết va chạm giữa hai phương tiện. Tại Kết luận giám định số 74/KL-KTHS ngày 23/6/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Dấu vết bẹp méo, lõm kim loại theo chiều từ ngoài vào trong, từ sau về trước, bề mặt phía ngoài bị trượt xước, bong tróc mất sơn màu trắng, bám dính tạp chất màu đen (dạng sơn) tại mặt ngoài ốp kim loại phía dưới cửa xe bên phải (bên phụ) phía trước xe ô tô BKS 15 F.000.25 phù hợp với dấu vết trượt xước kim loại, mất sơn màu đen, bề mặt dính tạp chất màu trắng (dạng sơn) theo chiều từ trước về sau tại đầu ngoài phía dưới càng giảm xóc bánh trước bên trái xe ô tô BKS 16 P2 - 6288. Các dấu vết này được hình thành khi hai phương tiện chuyển động gần như vuông góc va chạm với nhau.

Cơ quan điều tra yêu cầu giám định đối với xe ô tô 15 F - 000.25 tiến vào ngã tư nơi xảy ra tai nạn thì xe ô tô có nháy đèn, bấm còi, giảm tốc độ không? Vận tốc của xe ô tô là bao nhiêu km/h. Tại Kết luận giám định số 3920/KL-KTHS ngày 27/7/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Khi xe ô tô tiến vào ngã tư xảy ra tai nạn có bấm còi và không nháy đèn. Không xác định được khi vào ngã tư xe ô tô có giảm tốc độ hay không. Không xác định được vận tốc của xe ô tô khi vào ngã tư.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Đ đã bồi thường đầy đủ cho gia đình bà H số tiền 180.000.000 đồng. Đại diện gia đình bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô BKS 15 F - 000.25; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 4405894 của xe ô tô 15 F - 000.25; 01 thẻ nhớ; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E số 310143015963 ngày 26/6/2019 mang tên Nguyễn Văn Đ - 01 xe mô tô BKS 16 P2- 6288. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Đức C và bà Hoàng Thị G. Còn 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Văn Đ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSKT ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Khoảng 04 giờ ngày 23/4/2022, Đ điều khiển xe ô tô BKS 15 F - 000.25 (có giấy phép lái xe) từ Q, phường H, quận Đ đi trên đường 403 đến thôn Q, xã Đ, huyện K để đón khách theo hợp đồng với tốc

độ khoảng 40 km/h. Trên đường đi thôn V, khi đến gần khu vực ngã tư giao nhau giữa các đường trục thôn của xã Đ, huyện K do không quan sát biển báo hiệu giao thông đường bộ vì bị khuất tầm nhìn do có nhà dân nên Đ chỉ bấm còi xe mà không kịp giảm tốc độ xe chạy. Khi xe ô tô vào ngã tư, Đ quan sát thấy bên phải từ thôn V2 đi thôn V1 theo chiều đi của mình có 01 xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 do bà H điều khiển với tốc độ nhanh tiến vào ngã tư nên Đ đánh lái xe sang bên trái để tránh xe nhưng xe mô tô do bà H điều khiển đã đâm vào cánh cửa phía trước bên phải xe ô tô, làm bà H bị ngã xuống đường, xe mô tô bị đổ nằm về bên trái tại mặt đường ngã tư. Đ điều khiển xe ô tô đi lên phía trước cách ngã tư khoảng 20 m thì dừng lại; Đ xuống xe quay lại ngã tư hô hoán cho quần chúng nhân dân đưa bà H đi cấp cứu, còn Đ ở lại hiện trường chờ công an đến giải quyết. Sau đó bà H đã chết.

Tại Cơ quan điều tra, ông Hoàng Văn K khai: Ông là chồng của bà H, các con của ông đã thống nhất ủy quyền cho ông đại diện tham gia tố tụng tại các cơ quan tiến hành tố tụng. Vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 23/4/2022 bà H điều khiển xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 chở rau từ nhà ở thôn V2, xã Đ đi sang chợ C, phường S, quận Đ để bán. Khi đi đến ngã tư đường trục thôn V2 hướng về thôn V1 thì xảy ra va chạm với xe ô tô do bị cáo Đ điều khiển, được quần chúng nhân dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đến 14 giờ cùng ngày bà H tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Đ và gia đình đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho gia đình ông số tiền 180.000.000 đồng. Nay gia đình ông không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Tại Cơ quan điều tra, chị Hoàng Thị G khai: Chị là cháu ruột bà H, năm 2010 chị mua 01 xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 để làm phương tiện đi lại. Đến cuối năm 2020 chị mua xe mô tô mới nên cho bà H mượn xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 để chở rau đi bán ở chợ Cầu Vòng, quận Đ (thỏa thuận miệng). Sau đó đến ngày 23/4/2022 khi bà H điều khiển xe mô tô trên đã xảy ra va chạm với xe ô tô của bị cáo Đ điều khiển tại ngã tư giao nhau giữa các đường trục thôn (khu V2) của xã Đ làm bà H bị chết, xe mô tô bị hư hỏng. Nay bà G đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 cho bà H mượn, không yêu cầu gì về thiệt hại do xe mô tô bị hư hỏng.

Tại Cơ quan điều tra, anh Trịnh Đức C và chị Lại Thị Nhạn thống nhất khai: Năm 2020 vợ chồng anh chị mua 01 xe ô tô BKS 15 F - 000.25 loại 16 chỗ ngồi để hợp đồng vận chuyển khách. Vợ chồng có thuê anh Nguyễn Văn Đ lái xe, tiền công trả theo ngày (hợp đồng miệng). Tối ngày 22/4/2022 anh C gọi điện thoại báo Đ vào khoảng hơn 04 giờ ngày 23/4/2022 điều khiển xe ô tô BKS 15 F - 000.25 đi đón khách theo hợp đồng tại thôn Q, xã Đ, huyện K. Vào khoảng 04 giờ ngày 23/4/2022 Đ đến nhà anh nhận xe và điều khiển xe ô tô từ Q, phường H, quận Đ đi về thôn Q, xã Đ, huyện K đón khách. Đến khoảng 04 giờ 10 phút cùng ngày thì Đ

điện thoại thông báo đã xảy ra tai nạn giao thông va chạm với xe mô tô do bà H điều khiển tại ngã tư giao nhau giữa các đường trục thôn của xã Đ, bà H bị ngã xuống đường được đưa đi cấp cứu, sau đó đã tử vong. Xe ô tô và xe mô tô đều bị hư hỏng nhẹ. Nay vợ chồng anh đã nhận lại đầy đủ tài sản và các giấy tờ kèm theo bị thu giữ. Về thiệt hại hư hỏng của xe ô tô, vợ chồng anh không yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo Đ.

Sau quá trình xét hỏi, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn từ 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đầy đủ theo yêu cầu của gia đình bị hại số tiền 180.000.000 đồng. Xe ô tô BKS 15 F - 000.25 và xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 bị hư hỏng nhẹ. Nay đại diện hợp pháp của bị hại, vợ chồng anh C; chị G đều không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Đ 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E 310143015963 ngày 26/6/2019 mang tên Nguyễn Văn Đ, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường nơi xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm tử thi, dấu vết phương tiện, kết luận giám định pháp y, kết luận giám định, lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 04 giờ ngày 23/4/2022, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi điều khiển xe ô tô BKS 15 F - 000.25 tham gia giao thông đi trên đường 403 theo hướng đi thôn Q, xã Đ, huyện K để đón khách. Khi Đ điều khiển xe ô tô đến gần khu vực ngã tư giao nhau giữa các đường trục thôn của xã Đ (khu vực thôn V2) do tầm nhìn bị hạn chế vì có nhà dân, không quan sát biển báo giao thông đường bộ, không giảm tốc độ có thể dừng lại một cách an toàn và nhường đường tại nơi giao nhau, nên khi thấy bà H đang điều khiển xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 chở rau đi với tốc độ nhanh từ thôn V2 về phía ngã tư, Đ chỉ kịp đánh lái xe về phía bên trái để tránh dẫn đến đầu xe mô tô đâm vào cánh cửa phía trước bên phải xe ô tô làm bà H bị ngã xuống đường, được đưa đi cấp cứu, sau đó đã tử vong. Hành vi của Nguyễn Văn Đ đã vi phạm khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 24 Luật Giao thông đường bộ. Vi phạm khoản 2, 3, Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Trong vụ án này, bà Vũ Thị H cũng có lỗi, khi điều khiển xe mô tô BKS 16 P2 - 6288 tham gia giao thông đi với tốc độ nhanh, không quan sát biển báo giao thông đường bộ, không giảm tốc độ và không nhường đường tại nơi đường giao nhau nên đã đâm vào xe ô tô của Đ, dẫn đến tử vong. Hành vi của bà H đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ; vi phạm khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thỏa mãn cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, tính mạng của công dân. Cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả đầy đủ theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tham gia tích cực cứu giúp bị hại, có nơi cư trú rõ ràng. Người bị hại cũng có lỗi, tại giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử, đại diện hợp pháp của bị hại đều có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bà Vũ Thị H bị chết. Tổng chi phí và mai táng là 180.000.000 đồng. Giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong số tiền trên. Anh Trịnh Đức C đã nhận lại 01 xe ô tô, chị Hoàng Thị G đã nhận lại 01 xe mô tô; đều bị hư hỏng nhẹ. Nay đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đề nghị gì thêm. Xét sự thỏa thuận thống nhất của các bên là sự tự nguyện được chấp nhận, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E số 310143015963 ngày 26/6/2019 mang tên Nguyễn Văn Đ; cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đ cho UBND phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt

tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của BLHS; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 giấy phép lái xe hạng E số 310143015963 ngày 26/6/2019 mang tên Nguyễn Văn Đ cho bị cáo Đ (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K); nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS + Sở Tư pháp;
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường H,
- quận Đ, Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Ngát

Phan Thị Minh Phương

Lưu Thanh Huyền